



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VĂN HOÁ TỘC NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP Ở VÙNG ĐÔNG BẮC*

ĐOÀN VIỆT

Trong bối cảnh một thế giới có nhiều biến động, với sự tăng trưởng kinh tế thường kèm theo suy thoái môi trường, tài nguyên và bất công về xã hội; với sự phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc giữa các quốc gia và khu vực, trở thành nguyên nhân sâu xa của những xung đột và chiến tranh; và đặc biệt là tác động mặt trái của quá trình toàn cầu hoá đã khiến *phát triển bền vững* trở thành mục tiêu của tất cả các cộng đồng và quốc gia trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, *phát triển bền vững* mới chủ yếu được tập trung vào lĩnh vực môi trường và kinh tế, còn khía cạnh xã hội và văn hoá thường được đặt trong mối quan hệ với các lĩnh vực này.

Trong khi đó, văn hoá tộc người là thành tố quan trọng trong văn hoá của một quốc gia đa dân tộc, góp phần tạo nên bản sắc của chính quốc gia đó. Trong bối cảnh hiện nay, hầu như không một cộng đồng tộc người nào có thể đứng ngoài lề của quá trình toàn cầu hoá. Xuyên suốt quá trình ấy, ngoài những ảnh hưởng tích cực, đã xuất hiện mâu thuẫn giữa hội nhập và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá tộc người. Điều đó có nghĩa, cùng với sự tham dự ngày càng nhiều các hoạt động kinh tế, xã hội hay văn hoá với các tổ chức và xã hội ngoài cộng đồng, các giá trị văn hoá truyền thống của những tộc người này cũng đang bị xói mòn.

Để xây dựng một xã hội bền vững, yếu tố văn hoá cần được quan tâm đúng mức. Văn hoá không chỉ được xem xét như là một trụ cột của sự phát triển bền vững mà còn là đối tượng cần phát triển bền vững. Nhằm góp phần xây dựng cơ sở cho phát triển bền vững về văn hoá của các tộc người ở Việt Nam, cần thiết tiến hành nghiên cứu thực nghiệm tại một số dân tộc đang chịu ảnh hưởng rõ rệt của hội nhập, hay đúng hơn là của quá trình toàn cầu hoá và công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cuốn sách "*Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*" - kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Bộ thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam về "*Phát triển bền vững về Văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*" do PGS. TS. Vương Xuân Tình và TS. Trần Hồng Hạnh là đồng chủ nhiệm, thực hiện từ năm 2008 đến năm 2010, đã góp phần đáp ứng yêu cầu nói trên. Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, kiến nghị và giải pháp, sách được cấu trúc thành 5 chương. Chương 1: Tổng quan tài liệu, các khái niệm, lý thuyết, chỉ báo về phát triển bền vững văn hóa tộc người và các điểm nghiên cứu. Chương 2: Hội nhập kinh tế và văn hóa của các tộc người vùng Đông Bắc trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chương 3: Đặc điểm văn hóa truyền thống của các tộc

* Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên) (2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 304 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm.

người vùng Đông Bắc. Chương 4: Đánh giá tính bền vững của văn hóa tộc người vùng Đông Bắc. Chương 5: Tác động của hội nhập đến phát triển bền vững văn hóa của các tộc người vùng Đông Bắc.

Có thể nói, Chương 1 với tiêu đề *“Tổng quan tài liệu, các khái niệm, lý thuyết, chỉ báo về phát triển bền vững văn hóa tộc người và các điểm nghiên cứu”* được coi là một trong các chương rất quan trọng bởi các nội dung trong chương này có tính chất định hướng nghiên cứu cho toàn công trình. Đặc biệt, so với rất nhiều ấn phẩm khác, đây là chương chứa đựng nhiều nội dung về lý thuyết và cơ sở lý luận cho công trình nghiên cứu, có sự kết hợp của nhiều cách tiếp cận khác nhau của các tác giả ở cả trong và ngoài nước. Điều đáng nói và cũng rất nổi trội trong chương này là trên cơ sở tiếp cận các lý thuyết, cơ sở lý luận và khái niệm, lần đầu tiên các tác giả đã xây dựng 5 chỉ báo về phát triển bền vững văn hóa tộc người ở cấp cộng đồng. Đó là: 1) Chấp nhận đa dạng văn hóa; 2) Giữ gìn ngôn ngữ tộc người; 3) Giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người; 4) Ý thức tự giác tộc người; và 5) Văn hóa góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Từ đây, tất cả các nội dung của các chương sau của cuốn sách đều lấy 5 tiêu chí này làm cơ sở để soi chiếu vào phạm trù văn hóa tộc người ở các địa bàn nghiên cứu thuộc hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên.

“Hội nhập kinh tế và văn hóa của các tộc người vùng Đông Bắc trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” là nội dung của Chương 2 nhằm chỉ ra cơ sở của sự phát triển bền vững về văn hóa tộc người ở vùng Đông Bắc. Nghiên cứu đã chỉ rõ hội nhập kinh tế và văn hoá của các tộc người vùng Đông Bắc chính là sự gắn kết ở các mức độ khác nhau của họ với hoạt động kinh tế và văn hoá của đất

nước cũng như quốc tế. Hội nhập kinh tế, văn hoá với đất nước và khu vực của các tộc người tại những địa phương được nghiên cứu thể hiện qua mối liên kết với vùng khác; qua cơ cấu kinh tế, sự phát triển của kinh tế thị trường và đầu tư nước ngoài, việc phát triển văn hoá và xoá đói giảm nghèo. Xuất phát từ nhận định trên, vùng Đông Bắc (cụ thể là hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên) luôn được xem xét trong bối cảnh phát triển của đất nước và khu vực. Thực tiễn nghiên cứu đã chỉ rõ hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên có điều kiện thuận lợi cho hội nhập, kể cả về phương diện địa lý và kinh tế - xã hội. Quá trình hội nhập ở vùng này được chú trọng kể từ khi Đổi mới đến nay. Điểm nổi bật về hội nhập kinh tế của hai tỉnh là Lạng Sơn đã trở thành một trung tâm thương mại và du lịch, còn Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp và dịch vụ của khu vực vùng Đông Bắc, được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với Hà Nội và Nam Trung Quốc và trong bối cảnh hành lang kinh tế Bắc - Nam của các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông. Từ đó, đã kéo theo sự hội nhập ngày càng sâu hơn về văn hoá của các tộc người ở khu vực nghiên cứu.

Nói tới văn hóa vùng Đông Bắc, người ta thường nhớ tới văn hóa của hai dân tộc Tày và Nùng bởi vị trí quan trọng, sức ảnh hưởng và lan tỏa của hai dân tộc này tới văn hóa của nhiều tộc người khác trong vùng. Tuy nhiên, trong tiến trình lịch sử, đã diễn ra sự giao thoa, đan xen và tiếp biến văn hóa khiến cho văn hóa của các dân tộc được bồi đắp và trở nên phong phú hơn. Do đó, các tác giả đã dành Chương 3 để trình bày những đặc điểm cơ bản về văn hoá truyền thống của các tộc người được nghiên cứu tại hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên, bao gồm: Tày, Nùng, Dao, Sán Diu và Kinh. Đây là cơ sở để hiểu biết sự biến đổi văn hoá tộc người của họ dưới tác động của hội nhập.

Có thể thấy rằng, Chương 4 với tiêu đề “*Đánh giá tính bền vững của văn hóa tộc người vùng Đông Bắc*” là chương quan trọng nhất của cuốn sách. Chương này chứa đựng nhiều thông tin về văn hóa tộc người và sự biến đổi văn hóa được thu thập từ những cuộc điền dã tại các địa bàn nghiên cứu. Điều đáng quan tâm là các thông tin ấy đã được xử lý, phân tích và luôn được xem xét trong mối tương quan với hệ thống 5 chỉ báo về phát triển bền vững văn hóa tộc người đã được xây dựng trong Chương 1. Theo đó, chỉ báo 1 “Chấp nhận đa dạng văn hoá” và chỉ báo 4 “ý thức tự giác tộc người” của các tộc người đều ở mức bền vững. Ngôn ngữ tộc người về cơ bản vẫn được gìn giữ ở đa số các điểm nghiên cứu, song hai cộng đồng Nùng và Sán Dìu ở Thái Nguyên có nguy cơ mất ngôn ngữ tộc người. Về bản sắc văn hoá, ngoài người Dao còn tương đối bền vững, các tộc người còn lại đều bị xói mòn; đặc biệt, có 4 điểm nghiên cứu của 3 dân tộc Sán Dìu, Nùng và Kinh bị xói mòn mạnh. Với chỉ báo 5 “Văn hoá góp phần phát triển kinh tế - xã hội”, trừ người Dao được xếp ở mức khá vì văn hoá đang góp phần rõ rệt trong thu nhập và xoá đói giảm nghèo, còn tại các tộc người khác vai trò của văn hoá chỉ được xếp ở mức trung bình. Tựu chung, vấn đề cần cảnh báo là bản sắc văn hoá tộc người của hầu hết các dân tộc đều bị xói mòn; trong đó, hai cộng đồng người Kinh thuộc hai tỉnh Lạng Sơn và Thái Nguyên và các cộng đồng Nùng, Sán Dìu ở Thái Nguyên bị xói mòn trầm trọng. Do đó, bốn cộng đồng nêu trên được đánh giá là kém bền vững về văn hoá. Thực tế nghiên cứu cho thấy đã xuất hiện mâu thuẫn giữa giữ gìn bền vững văn hoá và phát triển. Đó là những cộng đồng ở trong hoặc gần khu vực đô thị, và càng bị tác động mạnh của hội nhập sẽ càng dễ mất văn hoá truyền thống.

Rõ ràng, như đã đề cập ở trên, sự biến đổi của văn hóa chịu nhiều tác động, không chỉ

trong nội tại của các cộng đồng tộc người mà còn từ thế giới bên ngoài, trong đó có tác động của hội nhập. Đây cũng chính là nội dung của Chương 5 mà các tác giả muốn hướng đến. Nghiên cứu chỉ rõ xu hướng tác động chính của hội nhập là vào ngôn ngữ, văn hoá vật chất và một số lĩnh vực văn hoá tinh thần của tộc người. Sở dĩ hội nhập dễ tác động bởi những yếu tố này có giao diện lớn với ngôn ngữ và các nền văn hoá khác, đặc biệt là ngôn ngữ và văn hoá của tộc người chủ thể. Trong làn sóng xâm thực của hội nhập, chỉ có tín ngưỡng và ý thức tự giác tộc người là những nền móng còn khá vững chãi của bản sắc tộc người. Điều đó khiến đa dạng văn hoá ở vùng Đông Bắc có nguy cơ bị lấn át bởi xu hướng đơn dạng văn hoá, và nếu không có biện pháp xử lý kịp thời, sẽ dễ chuyển từ vấn đề văn hoá sang vấn đề xã hội.

Mặc dù có rất nhiều điểm nổi bật và đáng lưu tâm như vừa kể trên nhưng do tính mới mẻ của vấn đề nghiên cứu nên cuốn sách không tránh khỏi một vài hạn chế nhất định. Trong đó, hạn chế chủ yếu của cuốn sách là sự kết nối có phần lỏng lẻo giữa vấn đề văn hoá là trụ cột thứ 4 của phát triển bền vững và văn hoá là đối tượng của phát triển bền vững. Nói cách khác, những xem xét trong chỉ báo thứ 5 về vai trò của văn hoá tộc người đối với phát triển kinh tế - xã hội ở cộng đồng được nghiên cứu vẫn mờ nhạt. Điều này cũng được chính các tác giả nhận diện trong phần Kết luận của cuốn sách.

Nhìn chung, đây là một nghiên cứu mới, vì bước đầu các tác giả đã xây dựng được hệ thống phương pháp luận trong nghiên cứu sự bền vững văn hoá tộc người, đồng thời áp dụng nghiên cứu thực nghiệm. Cuốn sách có thể mở đường và khơi gợi nhiều ý tưởng nghiên cứu trong tương lai liên quan đến phát triển bền vững văn hoá ở các tộc người.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.